ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 658 /QĐTN

Đà Nẵng, ngày 04 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học viên khóa tuyển sinh năm 2015 hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20-03-2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 6950/QĐ-ĐHĐN ngày 01-12-2014 của Giám đốc ĐHĐN ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Đà Nẵng, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BGDĐT ngày 28/6/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ quyết định số 471/QĐ-ĐHSP ngày 05/4/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng thi và công nhận tốt nghiệp ngành Giáo dục Mầm non bậc Đại học, hệ vừa làm vừa học, đào tạo tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum và Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, khóa thi ngày 15/4/2018;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 24/04/2018 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp đại học và cấp bằng Cử nhân cho **80** (tám mươi) học viên hệ đào tạo vừa làm vừa học (phương thức liên thông từ trình độ Trung cấp chuyên nghiệp lên Đại học), khóa tuyển sinh năm 2015 ngành Giáo dục Mầm non, cụ thể:

- Đào tạo tại Phân hiệu Đại học Đà Nẵng tại Kon Tum 43 học viên
- Đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng 37 học viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Tổ chức - Hành chính, Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Khoa Giáo dục Mầm non và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- ĐHĐN (Ban Đào tạo);
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 658 /QĐTN ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị	Bắc	10/01/1993	**7,39**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 1
2	Dương Thị Ngọc	Bích	30/10/1990	**7,65**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 4
3	Đỗ Thị Thanh	Bình	18/09/1985	**7,59**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 3
4	Y	Cham	19/10/1986	**7,68**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 1
5	Y	Cương	20/05/1984	**7,74**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 2
6	Y	Diệu	10/12/1986	**7,30**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 3
7	Bùi Thị	Duyên	06/07/1986	**7,59**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 5
8	Thái Thị	Đào	25/05/1981	**7,35**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 5
9	Y	Giáo	08/04/1986	**7,05**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 7
10	Tô Thị	Hà	03/02/1990	**7,27**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 6
11	Trần Thị Thu	Hà	19/02/1991	**7,38**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 7
12	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	18/07/1991	**7,72**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 9
13	Cà Thị	Hậu	01/04/1992	**7,68**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 10
14	Phan Thị	Hiền	12/10/1985	**7,54**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 12
15	Y	Hiệp	12/12/1991	**7,22**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 8
16	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	16/05/1992	**7,12**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 13
17	Y	Lạc	10/08/1992	**7,43**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 16
18	Lê Thị Hồng	Loan	24/08/1994	**7,57**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 17
19	Nguyễn Thị Kiều	Loan	10/10/1992	**7,30**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 11
20	Y	Luốt	15/05/1986	**7,38**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 13
21	Đinh Thị	Luyến	03/11/1990	**7,55**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 50
22	Phạm Thị	Lý	11/04/1989	**7,55**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 22
23	Nguyễn Thị	Mến	17/12/1994	**7,62**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 23
24	Phan Giang	Nguyệt	18/06/1990	**7,75**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 25
25	Võ Thị Minh	Nguyệt	20/07/1991	**7,52**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 26
26	Trần Thị Yến	Nhi	29/01/1993	**7,28**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 27
27	Nguyễn Thị Kim	Oanh	12/01/1994	**7,71**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 29
28	Nguyễn Thị	Quỳnh	26/12/1989	**7,49**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 31
29	Phạm Thị Mỹ	Tâm	20/05/1994	**8,05**	Giỏi	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 33
30	Y	Tâm	04/03/1992	**7,20**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 20
31	Bùi Thị	Thanh	26/01/1991	**7,68**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 34
32	Nguyễn Thị	Thanh	16/04/1986	**8,19**	Giỏi	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 35
33	Nguyễn Thị	Thêm	06/06/1990	**7,06**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 36
34	Y	Thiên	27/03/1984	**7,15**	Khá	4129/QĐ-ĐHĐN ngày 07/07/2014 24
35	Hồ Thị Kim	Thương	09/04/1993	**7,21**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 40
36	Nguyễn Thị Hoài	Thương	26/03/1994	**7,38**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 41
37	Trần Thị	Thùy	12/09/1990	**7,72**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 38
38	Huỳnh Thị	Thuyền	24/06/1993	**7,43**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 37
39	Y	Tím	08/08/1987	**7,56**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 42
40	Phan Thị Bích	Trâm	06/10/1992	**7,51**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 43

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
41	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	30/04/1994	**7,15**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 44
42	Trần Thị Ngọc	Tuyền	08/02/1994	**7,65**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 45
43	Y	Xoa	29/08/1991	**7,36**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 49

Ấn định danh sách này có 43 (Bốn mươi ba) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:
- 2 xếp loại Giỏi
- 41 xếp loại Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG

DANH SÁCH HỌC VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC

(Kèm theo Quyết định số: 658/QĐTN ngày 04 tháng 05 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Đinh Thị Kim	Chi	21/10/1992	**7,61**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 2
2	Phan Thị	Chiến	20/09/1991	**7,44**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 3
3	Nguyễn Thị Bích	Dân	10/01/1994	**7,29**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 4
4	Lê Thị Thùy	Dung	07/11/1992	**7,80**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 6
5	Ngô Thị Thùy	Dương	23/03/1994	**7,48**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 8
6	Phùng Thị Châu	Duyên	08/11/1994	**7,86**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 7
7	Nguyễn Thị Hồng	Giang	26/12/1994	**7,54**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 9
8	Đinh Thị	Hà	14/03/1992	**7,35**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 10
9	Nguyễn Khánh Hoàng	Hải	10/09/1994	**7,35**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 11
10	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	22/11/1994	**7,97**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 12
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	01/01/1994	**7,41**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 13
12	Lê Thị Thanh	Hiền	10/10/1993	**8,14**	Giỏi	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 14
13	Lê Thị	Hồng	13/09/1993	**7,56**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 17
14	Trần Nguyễn Đan	Khanh	21/10/1994	**7,90**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 19
15	Nguyễn Thị	Lan	19/07/1992	**7,64**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 20
16	Đặng Thị Kim	Liên	06/01/1992	**7,70**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 22
17	Trương Thị Kim	Liên	01/01/1991	**7,46**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 23
18	Đinh Thị Ly	Ly	11/12/1993	**7,27**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 24
19	Phạm Thị	Mỹ	21/02/1994	**7,28**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 27
20	Tống Thị Diệu	My	01/07/1992	**7,48**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 26
21	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	20/10/1993	**7,48**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 30
22	Trương Thị Hiền	Oanh	12/10/1993	**7,55**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 31
23	Nguyễn Thị Kim	Phượng	13/10/1992	**7,52**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 33
24	Nguyễn Thị	Sương	16/01/1993	**7,18**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 34
25	Phạm Thị	Tài	02/01/1994	**7,43**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 35
26	Ngô Thị Hồng	Thanh	01/04/1994	**7,78**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 36
27	Huỳnh Thị Thu	Thảo	03/12/1992	**7,36**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 37
28	Phạm Thị	Thêu	19/05/1992	**7,65**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 39
29	Nguyễn Thị	Thiết	20/09/1994	**7,89**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 40
30	Phạm Thị Cẩm	Thúy	01/08/1994	**7,86**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 41
31	Phạm Thị Lệ	Thúy	25/08/1994	**7,75**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 42
32	Huỳnh Thị Kiều	Trinh	22/11/1994	**7,74**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 48
33	Hồ Thị	Tuyết	25/02/1993	**7,52**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 49
34	Ông Thị Ánh	Tuyết	04/03/1993	**7,63**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 51
35	Nguyễn Thị Hồng	Vân	28/09/1994	**7,75**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 53
36	Lê Thị Lan	Vi	25/10/1994	**7,50**	Khá	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 54
37	Thái Thị Tường	Vi	18/10/1992	**8,07**	Giỏi	2561/QĐ-ĐHĐN ngày 28/5/2015 55

Ấn định danh sách này có 37 (ba mươi bảy) học viên được công nhận tốt nghiệp, trong đó có:

- 2 xếp loại Giỏi
- 35 xếp loại Khá

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

PGS.TS. LƯU TRANG